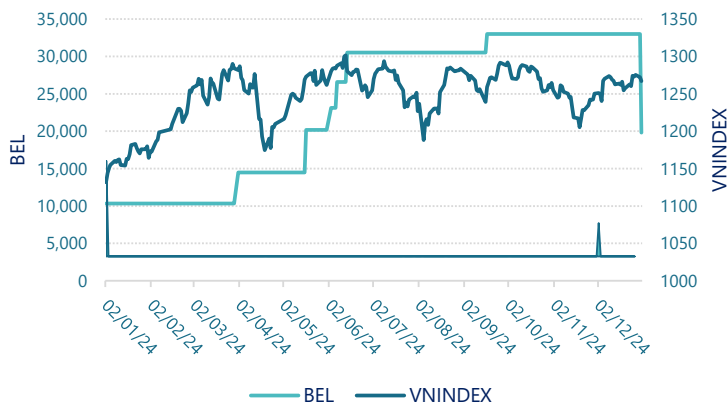




CTCP Điện tử Biên Hòa (UPCOM: BEL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	19,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,331
SL cổ phiếu LH	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,000
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	119
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.6%

+/- YoY: ▼ 13.2%

DT thuần

2024

12.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.8| -47.2%

LN sau thuế

2024

2.55

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.99| -61.1%

ROE

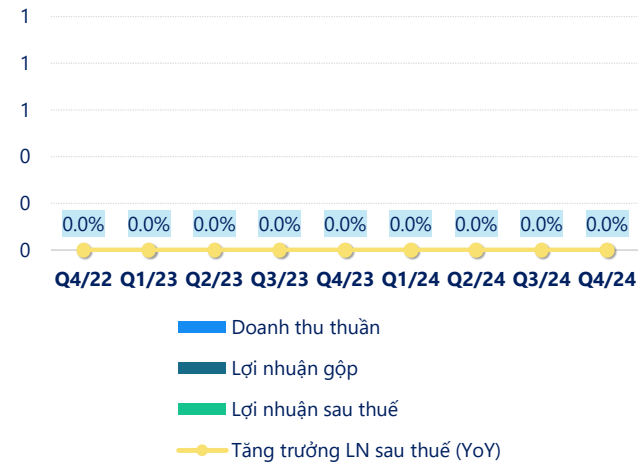
2024

4.0%

+/- YoY: ▼ 6.1%

tỷ VNĐ

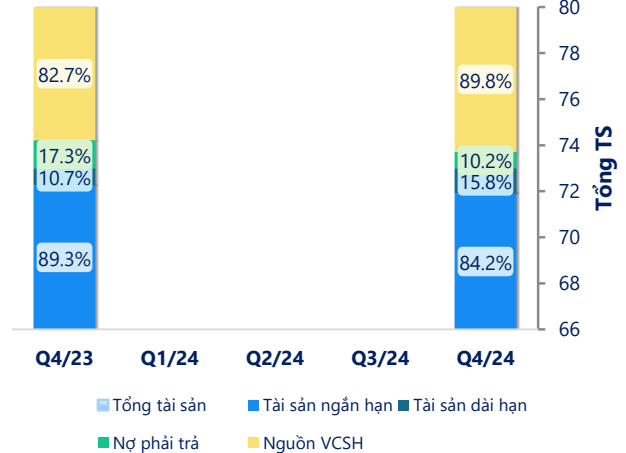
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



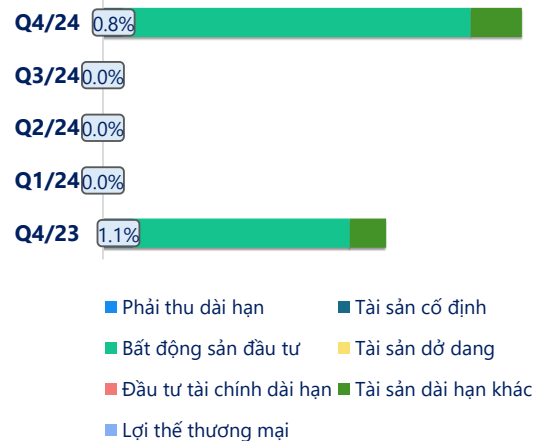
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

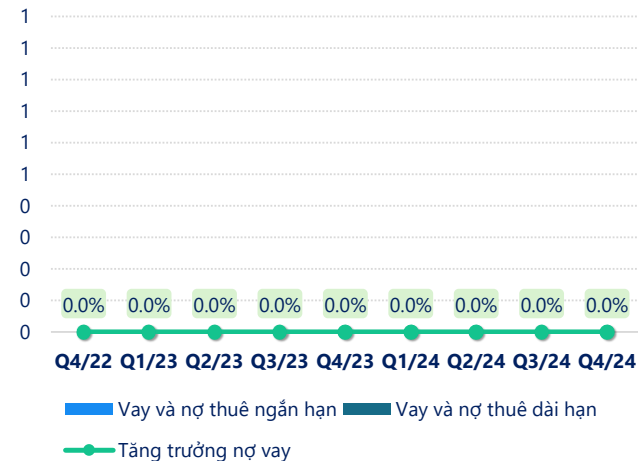
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

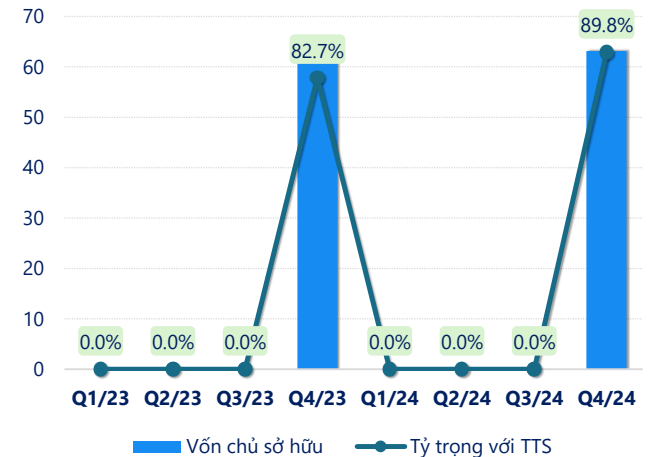
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

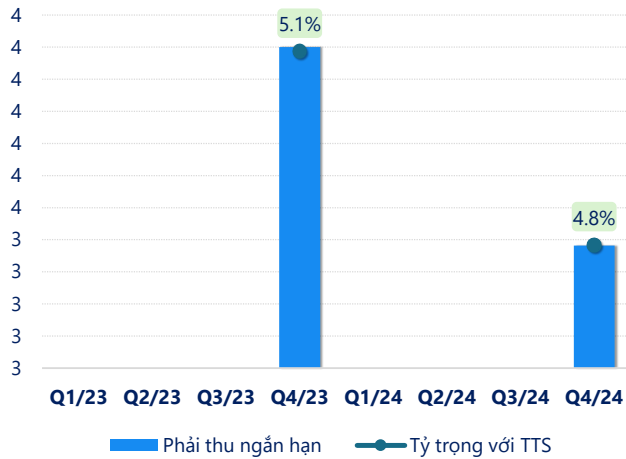
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



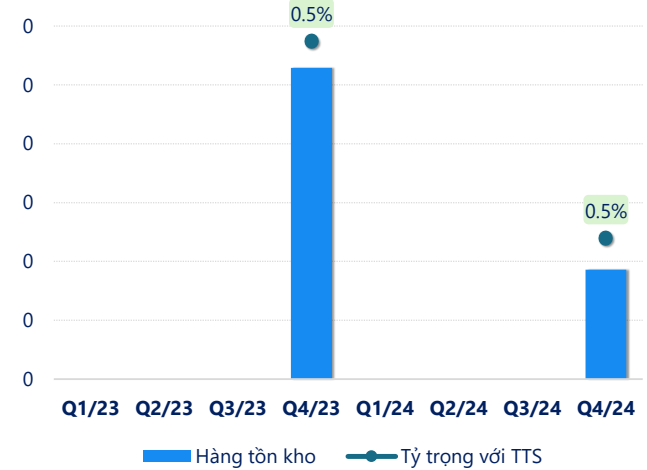
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


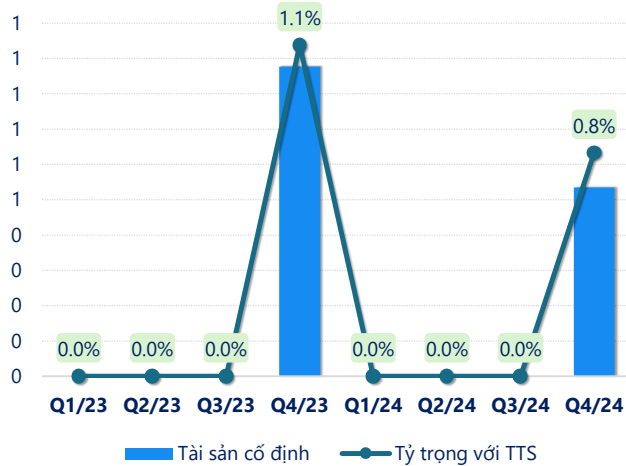
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


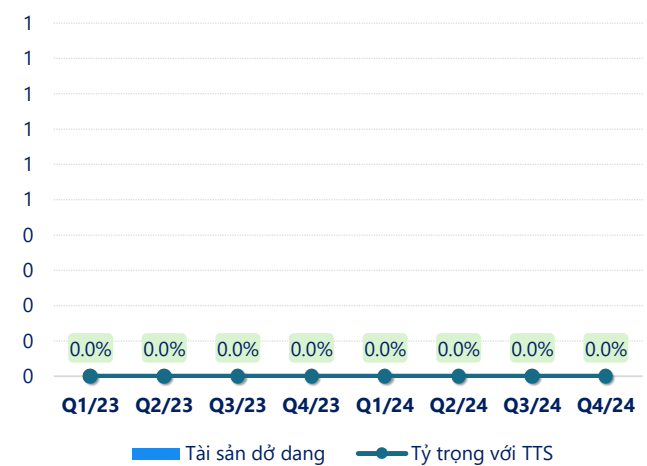
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

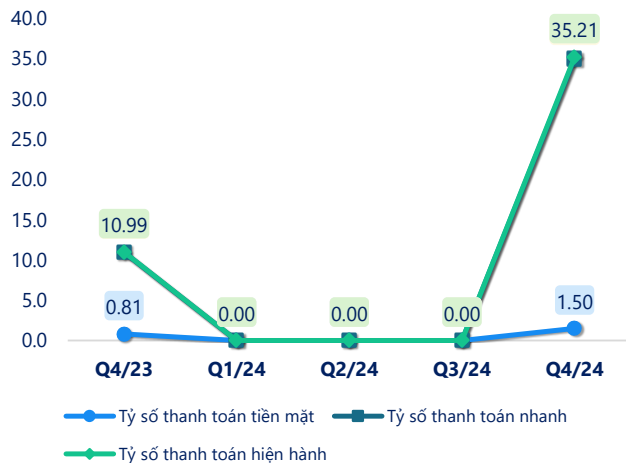
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

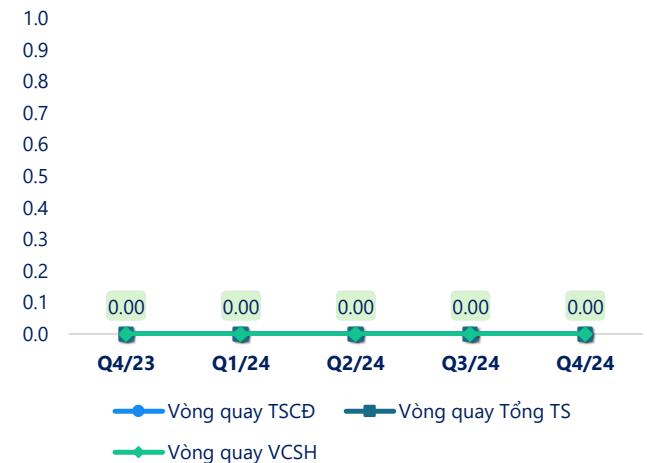
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	77.9				70.3
Tài sản ngắn hạn	69.6				59.2
Tiền và tương đương tiền	5.13				2.53
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.5				52.4
Phải thu ngắn hạn	4.00				3.38
Hàng tồn kho	0.43				0.36
Tài sản ngắn hạn khác	0.51				0.58
Tài sản dài hạn	8.29				11.1
Phải thu dài hạn	0.02				0.02
Tài sản cố định	0.88				0.53
Bất động sản đầu tư	6.34				9.18
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	1.07				1.36
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	13.5				7.16
Nợ ngắn hạn	6.33				1.68
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0				0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01				0
Nợ dài hạn	7.16				5.47
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.4				63.2
Vốn chủ sở hữu	64.4				63.2
Vốn điều lệ	60.0				60.0
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)